

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 76 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 01 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019  
Nguồn vốn ngân sách Trung ương

TRUNG BẢO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: ..... 280 .....
	Ngày: ..... 28/01/19 .....
	Chuyên: .....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 100/SKHĐT-TH ngày 18/01/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019 nguồn vốn ngân sách Trung ương, chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ kế hoạch vốn giao tại Điều 1 của Quyết định này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiến hành phân bổ và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị triển khai thực hiện theo nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch năm 2019, bảo đảm hoàn thành kế hoạch được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về việc sử dụng ngân sách Nhà nước trong đầu tư phát triển.

2. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi thực hiện việc kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư cho dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài (vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) năm 2019 các chương trình, dự án theo mức vốn kế hoạch được giao tại Quyết định này. Riêng đối với vốn Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: quản lý và giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước và theo quyết định đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Định kỳ hằng tháng, quý và cả năm gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2019 theo

biểu mẫu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công về UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính).

**Điều 3.** Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị được giao kế hoạch vốn tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 5;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- VP UB: PCVP, các phòng Ng/cứu, CBTH;
- Lưu:VT, P.THhtlv23.



**Trần Ngọc Căng**



Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Nguồn vốn ngân sách Trung ương

Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch vốn NSTW năm 2019			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>408.875</b>	<b>105.961</b>	<b>-</b>	
<b>I</b>	<b>VỐN TRONG NƯỚC</b>	<b>298.661</b>	<b>105.961</b>	<b>-</b>	<b>Phụ lục 1</b>
	Vốn Chương trình mục tiêu	298.661	105.961	-	
<b>A</b>	<b>Hoàn trả ứng trước</b>	<b>105.961</b>	<b>105.961</b>	<b>-</b>	
<b>B</b>	<b>Phân bổ chi tiết các Chương trình mục tiêu</b>	<b>192.700</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
(1)	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng	35.000	-	-	
(2)	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững	50.000	-	-	
(3)	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	15.000	-	-	
(4)	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo	20.000	-	-	
(5)	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	25.700	-	-	
(6)	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	10.000	-	-	
(7)	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch	27.000	-	-	
(8)	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm	4.000	-	-	
(9)	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	6.000	-	-	
<b>II</b>	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI</b>	<b>110.214</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>Phụ lục 2</b>



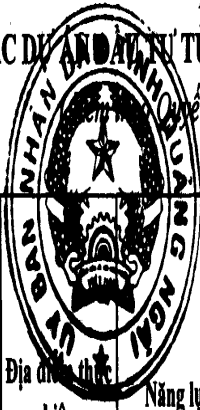
STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2018		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2019			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó		
							Tổng số	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
3	Vùng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh	Đảo Lý Sơn	500 tàu có CS 400CV	2010-2018	1476/QĐ-UBND, 27/10/2010; 886/QĐ-UBND ngày 04/6/2015; 1744/UBND-NNTN ngày 07/8/2017	401.097	400.147	270.150	269.200	50.000	-	-	
III	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư						80.000	80.000	27.000	27.000	15.000	-	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019						80.000	80.000	27.000	27.000	15.000	-	-	
	Dự án nhóm B													
4	Đê Phó Minh (giai đoạn 1)	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh	Đức Phó	L=4158m	2016-2020	1966c/QĐ-UBND, 30/10/2015	80.000	80.000	27.000	27.000	15.000	-	-	
IV	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo						806.043	685.137	37.900	37.900	20.000	-	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019						806.043	685.137	37.900	37.900	20.000	-	-	
	Dự án nhóm B													
5	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020	Sở Công thương	12 huyện	Cấp điện cho 624 thôn, bản thuộc 126 xã	2016-2020	896/QĐ-UBND, ngày 20/6/2014	806.043	685.137	37.900	37.900	20.000	-	-	
V	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao						397.712	207.712	187.000	182.000	25.700	-	-	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019						397.712	207.712	187.000	182.000	25.700	-	-	
	Dự án nhóm B													
6	Xây dựng đường giao thông trực chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Bình Sơn	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	207.712	187.000	182.000	25.700	-	-	
VI	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số						50.000	45.000	-	-	10.000	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới năm 2019						50.000	45.000	-	-	10.000	-	-	
	Dự án nhóm B													
7	Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	TP Quảng Ngãi	Diện tích sàn xây dựng 3.375m2	2019-2022	1867/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	50.000	45.000	-	-	10.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2018		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2019			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó		
							Tổng số	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
VII	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch						51.895	51.895	10.000	10.000	27.000	-	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019						51.895	51.895	10.000	10.000	27.000	-	-	
	Dự án nhóm B													
8	Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Mở rộng đường trục chính 1,7km	2017-2020	115/QĐ-UBND, ngày 23/01/2017; 2489/QĐ-UBND, ngày 25/12/2017	51.895	51.895	10.000	10.000	27.000	-	-	
VIII	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm						509.971	509.971	81.800	81.800	4.000	-	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019						509.971	509.971	81.800	81.800	4.000	-	-	
	Dự án nhóm B													
9	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2015	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Quảng Ngãi	20.200 ha	2011-2020	1310/QĐ-UBND, 31/8/2011	509.971	509.971	81.800	81.800	4.000	-	-	
IX	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững						60.928	45.000	12.000	12.000	6.000	-	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019						60.928	45.000	12.000	12.000	6.000	-	-	
	Dự án nhóm C													
10	Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Toàn tỉnh	nhiều mục tiêu	2016-2020	139/QĐ-UBND, 22/01/2016	60.928	45.000	12.000	12.000	6.000	-	-	

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI



Quyết định số 76 /QĐ-UBND, ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2019	Ghi chú			
						Số quyết định	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)					
	<b>TỔNG SỐ</b>						<b>619.500</b>	<b>92.445</b>	<b>527.055</b>	<b>77.784</b>	<b>14.552</b>	<b>63.232</b>	<b>110.214</b>			
I	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, GIẢM NGHÈO</b>						337.745	17.795	319.950	65.585	12.320	53.265	50.372			
	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019</i>						337.745	17.795	319.950	65.585	12.320	53.265	50.372			
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) Quảng Ngãi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện trong tỉnh	Sửa chữa, nâng cấp 19 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT, 09/11/2015; 546/QĐ-UBND, 04/4/2016; 912/QĐ-UBND, 11/6/2018	337.745	17.795	319.950	65.585	12.320	53.265	50.372			
II	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO</b>						28.600	6.600	22.000	12.199	2.232	9.967	6.987			
	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019</i>						28.600	6.600	22.000	12.199	2.232	9.967	6.987			
1	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức	6 trường THCS	2015-2018	960/QĐ-UBND ngày 12/6/2015	28.600	6.600	22.000	12.199	2.232	9.967	6.987			
III	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>						107.000	18.250	88.750	0	0	0	4.677			
	<i>Danh mục dự án khởi công mới</i>						107.000	18.250	88.750	0	0	0	4.677			

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2018			Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2019	Ghi chú			
						Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Toàn tỉnh	Đa mục tiêu	2017-2022	2198/QĐ-UBND ngày 08/11/2016	107.000	18.250	88.750	-	-	-	4.677			
IV	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH						146.155	49.800	96.355	0	0	0	48.178			
	Danh mục dự án khởi công mới						146.155	49.800	96.355	0	0	0	48.178			
1	Xây dựng tuyến đê biển thôn Thạnh Đức, xã Phố Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Đức Phổ	2.420m đê và kè	2018-2020	1573/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	146.155	49.800	96.355	0	0	-	48.178			

\* Ghi chú:

- Giải ngân vốn nước ngoài theo kế hoạch được giao
- Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước